

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HC-PT**

Ngày: 02/11/2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Bà **Lê Thúy Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 19/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Diệp C1**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Nguyễn Văn H**, Văn phòng luật sư TV; Địa chỉ: số 51 đường P, phường T3, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn H1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông **Hồng Quốc C**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Hoàng Châu S**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Trương Công H1**, Phó phòng Tài nguyên và môi trường huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thôn H2, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Phước Đ**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Lê Xuân T2**, Phó Chủ tịch UBND xã B. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn H**, công chức địa chính, xây dựng, môi trường xã. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân T2: Ông **Trần Văn T3**, công chức địa chính, xây dựng, môi trường xã. Có mặt. (Văn bản ủy quyền số 13/UQ-UBND ngày 23/10/2020).

3.2. Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Thị Thái P1**, Giám đốc Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hoàng N** - Chuyên viên Phát triển dự án (văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020). Có mặt.

3.3. Bà **Trần Thị Đ1**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Diệp C1 - người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên tòa thì:

Hộ gia đình ông Diệp C1 là chủ sử dụng khu đất trồng rừng tại thôn T, xã B, huyện T1 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số vào sổ đăng ký số 57/92, cấp vào ngày 02/7/1992 với diện tích 0,4 ha đất rừng. Ông trồng dương liễu và một số cây lâu

năm khác cao to từ 15cm đến hơn 30cm trước năm 1990. Bên cạnh diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận, hộ gia đình ông còn khai hoang và trồng cây vào khoảng năm 1992. Do đó, diện tích đất trồng cây dương liễu rất lớn khoảng 24.000m², ông sử dụng diện tích đất trên liên tục, ổn định từ trước năm 1992 đến nay, có vị trí, ranh giới riêng biệt, rõ ràng.

Khi thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam thì thửa đất trồng rừng của hộ gia đình ông nằm trong phạm vi xây dựng Khu phức hợp. Hộ gia đình ông chưa được nhận bất kỳ thủ tục nào về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ để giải tỏa, di dời tài sản trên đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xây dựng Khu phức hợp. Tuy nhiên, từ giữa tháng 9/2017 Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam (sau đây gọi là “Công ty V”) đã san ủi mặt bằng tại khu đất rừng của hộ ông nên ông đã có đơn đến UBND xã B và Ban Quản lý Khu kinh tế mở C đề nghị tiến hành các thủ tục đo đạc, xác minh hiện trạng sử dụng đất rừng của hộ ông thực tế quản lý, sử dụng, thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Tại cuộc họp ngày 25/9/2017, hộ ông đã chỉ ranh giới và vị trí khu đất rừng của tổ tàu thuyền thôn T là một phần thửa 03 diện tích 49.775,4m². Tại cuộc họp ngày 27/11/2017 UBND xã B và Trung tâm phát triển hạ tầng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế mở C xác định thửa đất của hộ ông trùng với thửa 05, diện tích 4.928,1m² và thửa 07, diện tích 6.584,4m² với tổng diện tích là 11.512,5m²; thửa 07 do tổ tàu thuyền thôn T nhận chủ sử dụng.

Hộ gia đình ông Diệp C1 nhận thấy diện tích đất thực tế của hộ ông khoảng 24.000m² nên không đồng ý với kết quả cuộc họp ngày 27/11/2017. Tại cuộc họp ngày 29/11/2017, mặc dù một số cá nhân được mời với tư cách thành viên tổ tàu thuyền thôn T có tranh chấp với hộ ông nhưng họ không có mặt tại hiện trường chỉ vị trí đất tranh chấp.

Sau đó, UBND xã B, đại diện Trung tâm phát triển hạ tầng, chủ đầu tư, cán bộ địa chính xã đã xác định vị trí, tọa độ thửa đất, ước lượng diện tích thửa đất khoảng 17.000m².

Ngày 30/11/2017, hộ gia đình ông và chủ đầu tư thuê Công ty cổ phần N1 để đo đạc lại diện tích thửa đất. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc do Công ty cổ phần N1 cung cấp thì diện tích thửa đất của hộ gia đình ông là 24.347,4m².

Người bị kiện UBND huyện T1 cho rằng vị trí đất trồng rừng sản xuất có diện tích 6584,4m² thuộc thửa đất số 7, trích đo địa chính số 01 tại thôn T, xã B do UBND xã B quản lý và ban hành Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc thu hồi diện tích 6.584,4m² của UBND xã B quản lý để thực hiện dự án Khu phức hợp là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 23/10/2017, UBND huyện T1 ban hành Quyết định 2590/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó ghi nội dung “Đất rừng sản xuất do UBND xã B quản lý và các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn T tranh chấp cây lâm nghiệp trồng trên đất 6584,4m²” là không phù hợp. Bởi lẽ, diện tích đất gia đình ông quản lý, sử dụng từ trước đến nay nên phải được thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định pháp luật.

Do đó, ông Diệp C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B, huyện T1; hủy Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B, huyện T1; buộc UBND huyện T1, Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam, UBND xã B xác định lại đúng vị trí, ranh giới, diện tích đất của hộ gia đình ông Diệp C1 thực tế sử dụng để chủ đầu tư thực hiện thủ tục thỏa thuận bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Theo Văn bản số 94/UBND-TNMT ngày 26/01/2018 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B, huyện T1 thì vị trí đất trồng rừng sản xuất có diện tích 6584,4m² thuộc thửa đất số 7, trích đo địa chính số 01 tại thôn T, xã B do UBND xã B quản lý có cây lâu năm trồng trên đất nhưng hộ ông Diệp C1 đang tranh chấp với các hộ nhân dân thôn T, xã B, huyện T1.

Theo Nội dung Công văn số 5090/UBND-KTN ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam thì cho phép UBND huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất do UBND xã quản lý và các hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư đang tranh chấp cây trồng trên đất, đồng thời được tiếp tục sử dụng kết quả đếm về số lượng cây trồng do Tổ công tác lập, đã được đại diện lãnh đạo UBND xã, Ban Nhân dân thôn, tổ trưởng và đại diện cá nhân có tranh chấp về cây cối ký xác nhận để áp giá, lập và phê duyệt phương án bồi thường.

UBND huyện T1 chỉ đạo đơn vị bồi thường, giải phóng mặt bằng lập thủ tục chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước T1 để thực hiện chi trả sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức bàn giao mặt bằng và thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trước ngày 30/9/2017.

Từ cơ sở trên, UBND huyện T1 ban hành Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc thu hồi diện tích 6.584,4m² thuộc thửa đất số 7, mảnh trích đo địa chính số 01 tại thôn T, xã B, huyện T1.

Theo Quyết định thu hồi đất và biên bản kiểm đếm hiện trạng ngày 25/9/2017, Trung tâm Phát triển hạ tầng thuộc Ban Quản lý Khu kinh mở C lập phương án bồi thường và được UBND huyện T1 ban hành Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định. Do đó, ông Diệp C1 khởi kiện là không có cơ sở để xem xét.

Theo Văn bản số 10/UBND-VP ngày 02/02/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1 thì:

Dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam triển khai thực hiện từ tháng 4/2017. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường thì hộ ông Diệp C1 phát sinh tranh chấp từ tháng 11/2017.

Theo kết quả xác định tại thực địa khu vực đất tranh chấp như sau: Tại mảnh trích đo địa chính số 01 gồm các thửa 03, 07, 08, 12 và tại mảnh trích đo địa chính số 05 gồm các thửa 02, 03, 05, 09. Tổng diện tích 22.319m², các thửa đất này hiện có tranh chấp giữa hộ ông C1 với cộng đồng dân cư (tổ thuyền trước đây), hộ ông Hồ Năm, hộ ông Lê Văn Tùng, hộ ông Hoàng Ngọc Triển.

Hiện trạng trên các thửa đất thuộc mảnh trích đo địa chính số 01 gồm các thửa 03, 07; mảnh trích đo địa chính số 05 gồm thửa 02, 03, 05 tại thời điểm đo đạc gồm nhiều cây dương liễu, ít cây điều và cây lá tràm.

Ngày 29/11/2017, UBND xã B tổ chức cuộc họp giải quyết đơn kiến nghị của ông Diệp C1, tại cuộc họp xác định: Nguồn gốc và số lượng cây dương liễu là do các tổ thuyền trước đây trồng, sau khi trồng thì không có người chăm sóc kể cả hộ ông C1.

Thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994, UBND xã B có Chi thị số 19/CT-UB ngày 16/9/1994 và Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 03/10/1994 về việc thu hồi đất trống để trồng rừng thuộc xã B đã giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân để tiến hành giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài theo Nghị định 02/CP thì tại thời điểm này hộ ông Diệp C1 không đăng ký. Đối với nội dung khởi kiện của ông Diệp C1, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam trình bày:

Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam triển khai thi công khi nhận bàn giao mặt bằng từ chính quyền địa phương.

Đối với nội dung khởi kiện của ông Diệp C1 thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Đ1 trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Diệp C1. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho hộ gia đình bà.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm - Luật sư Nguyễn Văn H trình bày:

Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp và Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) dự án Khu phức hợp là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Diệp C1. Bởi lẽ:

Thứ nhất, UBND huyện T1 xác định không đúng chủ sử dụng đất. Hộ ông Diệp C1 là người quản lý, sử dụng liên tục diện tích đất rừng nằm trong dự án xây dựng Khu phức hợp. Tuy nhiên, UBND huyện T1 xác định UBND xã B là chủ sử dụng, quản lý đất là không phù hợp.

Thứ hai, thủ tục thu hồi đất, đo đạc, xác định vị trí ranh giới đất, việc kiểm đếm tài sản, bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất không đúng quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của ông Diệp C1, tuyên hủy 02 Quyết định trên và buộc UBND huyện T1, Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam, UBND xã B xác định lại đúng vị trí, ranh giới, diện tích đất của hộ gia đình ông Diệp C1 thực tế sử dụng để chủ đầu tư thực hiện thủ tục thỏa thuận bồi thường theo đúng quy định pháp luật

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

UBND huyện T1 ban hành Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc thu hồi diện tích 6.584,4m² thuộc thửa đất số 7, mảnh trích đo địa chính số 01 tại thôn T, xã B, huyện T1 và Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Do đó, ông Diệp C1 khởi kiện là không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Diệp C1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 61, 62, 63 và Điều 66 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Diệp C1.

- Hủy Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của huyện T1 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B, huyện T1.

- Hủy một phần Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B, huyện T1 liên quan đến ông Diệp C1.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1, Công ty Cổ phần V Chi nhánh Quảng Nam, Ủy ban nhân dân xã B xác định lại đúng vị trí, ranh giới, diện tích đất của hộ gia đình ông Diệp C1 thực tế sử dụng để chủ đầu tư thực hiện thủ tục bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/10/2018, ông Hồng Quốc C – người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện. Tại phiên tòa, người bị kiện đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, bà Võ Thị Phương Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V có đơn trình bày, thống nhất với kháng cáo của người bị kiện và đề nghị sửa lại phần tuyên về nghĩa vụ không đúng pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 31/10/2018 của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện trong thời hạn luật định. Vì vậy, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 217 Luật Tố tụng hành chính.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND huyện T1 là quyết định hành chính về quản lý đất đai trong lĩnh vực thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Ngày 04/12/2017 ông Diệp C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định hành chính nêu trên; căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng các quy định pháp luật.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của người bị kiện:

[2.1] Ngày 02/7/1992, hộ gia đình ông Diệp C1 được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng (gọi là Bìa trắng) diện tích 0,4 ha tại xã B, huyện T1 (Giấy chứng nhận chỉ thể hiện tứ cận vị trí đất, không thể hiện số thửa, tờ bản đồ).

Phần diện tích 0,4 ha mà gia đình ông Diệp C1 được cấp năm 1992 là thực hiện theo Quyết định số 184/HĐBT ngày 06/11/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho tập thể và nhân dân trồng cây, gây rừng. Tuy nhiên, năm 1994, thực hiện Nghị định số 02/CP của Chính phủ về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện T1 đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-UB ngày 03/10/1994 để thu hồi 167.945 ha đất rừng tại xã B và giao cho Ủy ban nhân dân xã B thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để tiến hành lập hồ sơ giao lại đất rừng và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 02/CP của Chính phủ. Thực tế, sau khi có Nghị định số 02/CP của Chính phủ phần lớn các hộ dân đã nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa trắng), còn một số hộ chưa nộp, chưa chấp hành trong đó có hộ ông C1. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa trắng) do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp cho hộ gia đình ông Diệp C1 là giấy tạm giao đất rừng, không có giá trị pháp lý và không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng đất. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện T1 thu hồi đất theo Quyết định số 118/QĐ-UB, hộ gia đình ông C1 đã không kê khai, đăng ký quyền sử dụng rừng và đất rừng,

không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Nghị định số 02/CP. Do đó, ông C1 khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T1 ra quyết định thu hồi đất và giải quyết việc bồi thường đất khi thu hồi là không có căn cứ.

[2.2] Đồng thời, đất ông C1 được giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 (Bìa trắng) là 0,4 ha (4.000 m²) nhưng vị trí không rõ ràng, không có sổ thửa, không có sổ bản đồ; ông C1 cho rằng quá trình sử dụng có khai hoang diện tích lớn hơn nhưng quá trình giải quyết bồi thường các hộ dân tranh chấp nhau về diện tích cây trồng trên đất, ông C1 không chứng minh được diện tích thực tế sử dụng là bao nhiêu. Hiện nay, Dự án khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam đã được chủ đầu tư thực hiện dự án, hoàn tất việc xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ và đi vào sử dụng, các hộ dân khác đã nhận tiền đền bù, không khiếu kiện nên việc xác định lại vị trí, ranh giới, diện tích đất thực tế hộ ông C1 sử dụng là không thể thực hiện được.

Như vậy, hộ ông C1 không chứng minh được diện tích đất sử dụng cụ thể là bao nhiêu, đồng thời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông C1 năm 1992 không có giá trị pháp lý, không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng đất; sau đó, hộ ông C1 không kê khai, đăng ký quyền sử dụng rừng và đất rừng theo Nghị định số 02/CP nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 và Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 là chưa có cơ sở. Kháng cáo của người bị kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.] Trong vụ án này, tuy Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam không ra Quyết định hành chính bị kiện hoặc Quyết định hành chính có liên quan nhưng việc thu hồi đất tại huyện T1 là theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 21/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã có Văn bản số 5090/UBND-KTN hướng dẫn chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện T1 thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Do đó, cần đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án để xem xét thẩm quyền ban hành các Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 và Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 theo quy định tại Điều 66 Luật đất đai năm 2003.

[4.] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng thiếu người tham gia tố tụng là UBND tỉnh Quảng Nam nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[5.] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của người bị kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Hồng Quốc C đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000185 ngày 01/11/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn